

Số: 42/2023/QĐST-HNGĐ

Mỹ Đức, ngày 10 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2023/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1994.

Nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn F, xã P, huyện M, TP Hà Nội.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Huyền N, sinh năm 1999.

Nơi ĐKNKTT: Thôn F, xã P, huyện M, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: Xóm A, thôn Đ, xã Đ, huyện M, TP Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và **thỏa thuận** của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận **tình ly hôn** giữa: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Phạm Thị Huyền N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Phạm Thị Huyền N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2018, ngày 12/3/2018 do UBND xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội cấp cho chị Phạm Thị Huyền N và anh Nguyễn Đình Đ không còn giá trị pháp lý.

2.2 Về con chung: Anh, chị có một con chung, cháu Nguyễn Anh T sinh ngày 17/9/2018. Hiện cháu Nguyễn Anh T đang ở cùng chị Phạm Thị Huyền N. Sau ly hôn giao cháu Nguyễn Anh T cho chị Phạm Thị Huyền N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 hoặc có sự thay đổi. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ ngày 20/3/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi.

- Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2.3 Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Phạm Thị Huyền N mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ chịu cả phần án phí thay cho chị N nên anh Đ phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 39223 ngày 23/02/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND huyện Mỹ Đức.
- THADS huyện Mỹ Đức.
- UBND xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Trần Thị Thu Hương